

# Chuyên đề: Kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội bằng Tiếng Anh

Viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 từ) là một phần quan trọng trong các kỳ thi, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp THPT. Phần này kiểm tra khả năng tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ và trình bày quan điểm về một vấn đề xã hội. Tài liệu này sẽ cung cấp một cách hệ thống kiến thức và kỹ năng cần thiết để hoàn thành tốt phần thi này.

## 1. Cấu trúc chuẩn của một đoạn văn nghị luận xã hội

Một đoạn văn nghị luận tốt cần có sự mạch lạc, rõ ràng và thuyết phục. Cấu trúc phổ biến và hiệu quả nhất bao gồm 4 phần chính:

- **Topic Sentence (Câu chủ đề)**

Đây là câu đầu tiên của đoạn văn, có nhiệm vụ giới thiệu chủ đề và thể hiện quan điểm chính của người viết.

**Cấu trúc:** S + V + (main idea/opinion about the topic).

**Giải thích:** Câu chủ đề phải ngắn gọn, súc tích và bao quát được toàn bộ nội dung của đoạn văn. Nó giống như một lời hứa với người đọc về những gì bạn sẽ thảo luận.

**Ví dụ:**

- *Topic: The benefits of learning a foreign language.*

**Topic Sentence:** Learning a foreign language offers numerous significant benefits, ranging from career opportunities to cognitive enhancement.

- *Topic: The importance of protecting the environment.*

**Topic Sentence:** It is undeniable that protecting the environment is one of the most critical responsibilities of every individual in modern society.

- **Explanation/Supporting Sentences (Các câu giải thích/hỗ trợ)**

Sau câu chủ đề, bạn cần 2-3 câu để giải thích, làm rõ luận điểm đã nêu. Các câu này trả lời cho câu hỏi "Tại sao?" hoặc "Như thế nào?".

**Giải thích:** Phần này giúp người đọc hiểu sâu hơn về quan điểm của bạn.

Bạn có thể định nghĩa khái niệm, nêu lý do, hoặc phân tích các khía cạnh khác nhau của vấn đề. **Ví dụ (tiếp nối chủ đề bảo vệ môi trường):**

- Firstly, a healthy environment is essential for human survival, providing us with clean air to breathe, fresh water to drink, and food to eat.
- Secondly, environmental degradation directly leads to severe consequences such as climate change, loss of biodiversity, and an increase in natural disasters, which threaten our lives and future generations.

- **Evidence/Example Sentences (Các câu dẫn chứng/ví dụ)**

Để tăng tính thuyết phục, bạn cần đưa ra 1-2 câu dẫn chứng cụ thể, có thể là số liệu, sự kiện thực tế, hoặc ví dụ từ cuộc sống.

**Giải thích:** Dẫn chứng giúp luận điểm của bạn không còn là lý thuyết suông mà được chứng minh bằng thực tế. Dẫn chứng càng cụ thể, càng đáng tin cậy. **Ví dụ (tiếp nối chủ đề bảo vệ môi trường):**

- For instance, the massive deforestation of the Amazon rainforest has not only destroyed habitats for countless species but also accelerated global warming.
- Furthermore, statistics from the World Health Organization show that millions of people die prematurely each year due to air pollution-related diseases.

#### • **Concluding Sentence (Câu kết)**

Đây là câu cuối cùng, có nhiệm vụ tóm tắt lại ý chính, khẳng định lại quan điểm hoặc đưa ra một lời kêu gọi, một bài học kinh nghiệm.

**Cấu trúc:** In conclusion/To sum up/In short, S + V...

**Giải thích:** Câu kết cần tạo ra một cảm giác hoàn chỉnh cho đoạn văn. Tránh đưa thêm ý tưởng mới vào câu kết.

**Ví dụ (tiếp nối chủ đề bảo vệ môi trường):**

- In conclusion, safeguarding our planet is not just a choice but a necessity for our own well-being and the survival of future generations.
- Therefore, immediate and collective action must be taken to address environmental issues before it is too late.

## 2. 5 bước để viết một đoạn văn nghị luận xã hội hiệu quả

1. **Phân tích đề bài (Analyze the topic):** Đọc kỹ đề, gạch chân các từ khóa.  
Xác định rõ yêu cầu của đề: nêu lợi ích/tác hại, nguyên nhân/giải pháp, đồng ý/không đồng ý, v.v.
2. **Lên ý tưởng (Brainstorm ideas):** Liệt kê tất cả các ý tưởng liên quan đến chủ đề ra giấy nháp. Đừng lo lắng về ngữ pháp hay sắp xếp ở bước này, chỉ cần ghi lại mọi thứ bạn nghĩ đến.
3. **Lập dàn ý (Create an outline):** Sắp xếp các ý tưởng đã brainstorm theo cấu trúc 4 phần đã nêu ở trên. Chọn ra những ý tưởng đắt giá nhất để đưa vào bài.
  - Topic sentence: ...
  - Explanation 1: ...
  - Explanation 2: ...
  - Example/Evidence: ...
  - Concluding sentence: ...
4. **Viết đoạn văn (Write the paragraph):** Dựa vào dàn ý, viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Tập trung sử dụng từ vựng đa dạng, cấu trúc ngữ pháp chính xác và các từ nối (linking words) để tạo sự mạch lạc.
5. **Đọc lại và chỉnh sửa (Review and edit):** Sau khi viết xong, hãy dành vài phút để đọc lại và kiểm tra các lỗi về chính tả, ngữ pháp, dấu câu và cách dùng từ. Đảm bảo đoạn văn dễ đọc và dễ hiểu.

### 3. Từ vựng và cấu trúc câu hữu ích

Sử dụng các cụm từ nối và cấu trúc đa dạng sẽ giúp bài viết của bạn chuyên nghiệp và thuyết phục hơn.

VIDOCU.COM

| Chức năng               | Từ/Cụm từ (Word/Phrase)                                                                                        | Ví dụ                                                                                                      |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giới thiệu chủ đề       | It is common knowledge that...<br>There is no doubt that...<br>In today's world,...                            | There is no doubt that technology has profoundly changed our lives.                                        |
| Đưa ra luận điểm        | First and foremost,...<br>Secondly,...<br>Another key point is...                                              | First and foremost, regular exercise is crucial for maintaining physical health.                           |
| Đưa ra ví dụ            | For example/For instance,...<br>To illustrate,...<br>A case in point is...                                     | For instance, many successful entrepreneurs like Bill Gates dropped out of college to pursue their dreams. |
| Nêu nguyên nhân/kết quả | As a result/consequence,...<br>This leads to/results in...<br>One of the main causes is...                     | Heavy traffic is a major problem in big cities. As a result, air pollution levels are dangerously high.    |
| Đề xuất giải pháp       | To solve this problem,...<br>One effective solution is to...<br>The government should implement policies to... | To solve this problem, the government should invest more in public transportation.                         |

| Chức năng | Từ/Cụm từ (Word/Phrase)                            | Ví dụ                                                                                        |
|-----------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kết luận  | In conclusion,...<br>To sum up,...<br>In short,... | In conclusion, while the internet has some drawbacks, its benefits are far more significant. |

## 4. Đoạn văn mẫu và phân tích chi tiết

### Đề bài mẫu (Sample Topic)

*Write a paragraph of about 200 words about the benefits of doing voluntary work for young people.*

### Đoạn văn tham khảo (Sample Paragraph)

Engaging in voluntary work offers young people a multitude of invaluable benefits that contribute significantly to their personal and professional development. First and foremost, volunteering provides an excellent opportunity for the youth to acquire practical skills and real-world experience that cannot be learned in a classroom. For example, by participating in an environmental cleanup campaign, they can learn about teamwork, leadership, and project management. Secondly, doing charity work helps young individuals develop a sense of social responsibility and empathy. When they work with underprivileged communities or people with disabilities, they gain a deeper understanding of societal issues and learn to appreciate what they have. This experience can foster a lifelong commitment to helping others. Furthermore, volunteering can expand their social network and even open up future career prospects. In short, taking part in volunteer activities is a profoundly rewarding

experience that equips young people with essential life skills and a compassionate mindset, shaping them into more well-rounded citizens.

## Phân tích đoạn văn (Analysis)

- **Câu chủ đề (Topic Sentence):** *"Engaging in voluntary work offers young people a multitude of invaluable benefits that contribute significantly to their personal and professional development."*  
→ Giới thiệu trực tiếp chủ đề (lợi ích của công việc tình nguyện) và quan điểm của người viết.
- **Câu giải thích 1 (Explanation 1):** *"First and foremost, volunteering provides an excellent opportunity for the youth to acquire practical skills and real-world experience that cannot be learned in a classroom."*  
→ Nêu lợi ích đầu tiên: phát triển kỹ năng thực tế.
- **Câu dẫn chứng 1 (Example 1):** *"For example, by participating in an environmental cleanup campaign, they can learn about teamwork, leadership, and project management."*  
→ Đưa ví dụ cụ thể để làm rõ cho lợi ích thứ nhất.
- **Câu giải thích 2 (Explanation 2):** *"Secondly, doing charity work helps young individuals develop a sense of social responsibility and empathy."*  
→ Nêu lợi ích thứ hai: phát triển trách nhiệm xã hội và sự đồng cảm.
- **Câu giải thích bổ sung (Supporting idea):** *"When they work with underprivileged communities or people with disabilities, they gain a deeper understanding of societal issues and learn to appreciate what they have."*  
→ Làm rõ hơn cho lợi ích thứ hai.



- **Câu giải thích 3 (Explanation 3):** *"Furthermore, volunteering can expand their social network and even open up future career prospects."*

→ Nêu thêm một lợi ích khác: mở rộng mối quan hệ và cơ hội nghề nghiệp.

- **Câu kết (Concluding Sentence):** *"In short, taking part in volunteer activities is a profoundly rewarding experience that equips young people with essential life skills and a compassionate mindset, shaping them into more well-rounded citizens."*

→ Tóm tắt lại các lợi ích chính và khẳng định lại tầm quan trọng của hoạt động tình nguyện.